BỘ TƯ PHÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 45 /TTr-BTP	*Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2017*

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 15/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin, Quyết định số 931/QĐ-TTg ngày 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành các luật được thông qua tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa XIII, Bộ Tư pháp đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin (sau đây gọi là dự thảo Nghị định). Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ dự thảo Nghị định này với những nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH

Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13 được Quốc hội Khóa XIII thông qua tại kỳ họp thứ 11 ngày 06 tháng 4 năm 2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2018. Đây là đạo luật rất quan trọng tạo khuôn khổ pháp lý cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân và nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Về cơ bản, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 đã cụ thể hóa tối đa phạm vi, nội dung quyền tiếp cận thông tin; trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu và công khai thông tin cũng như trách nhiệm của Nhà nước trong việc tổ chức thực thi quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Bên cạnh đó, Luật đã ủy quyền cho Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung của Luật, cụ thể: mẫu Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin (khoản 4 Điều 24); biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin (điểm b khoản 1 Điều 35); yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp (khoản 2 Điều 36).

Ngoài ra, để bảo đảm tính thống nhất trong việc triển khai các biện pháp thi hành Luật của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân

dân các cấp theo tinh thần khoản 5 Điều 35 Luật (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng dẫn của Chính phủ), thực hiện trách nhiệm của Chính phủ trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân (khoản 1 Điều 35 Luật), nhiệm vụ "hướng dẫn cơ quan, tổ chức, đơn vị, công dân trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin" (điểm d khoản 1 Điều 35 của Luật), dự thảo Nghị định cũng quy định cụ thể một số biện pháp bảo đảm thi hành quyền tiếp cận thông tin.

Với những lý do nêu trên, việc ban hành Nghị định quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật Tiếp cận thông tin và một số biện pháp thi hành Luật là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Việc xây dựng Nghị định được tiến hành theo các quan điểm, nguyên tắc sau đây:

1. Bảo đảm tính khả thi của dự thảo Nghị định trong điều kiện thực tiễn kinh tế - xã hội Việt Nam, đồng thời bảo đảm hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước. Bám sát nội dung các điều, khoản mà Luật Tiếp cận thông tin giao Chính phủ quy định chi tiết thi hành, đồng thời quy định một số biện pháp cần thiết thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ để bảo đảm thi hành Luật có hiệu quả.

2. Bảo đảm các biện pháp tạo thuận lợi cho các đối tượng gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin và phù hợp với từng đối tượng; tạo điều kiện để mọi công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và cung cấp thông tin thông qua mạng điện tử nhằm tiết kiệm chi phí cho cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin do cơ quan mình tạo ra.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin[1].

2. Tổ chức nghiên cứu dự thảo Nghị định

Ban soạn thảo, Tổ biên tập đã tập trung nghiên cứu các quy định pháp luật có liên quan, quy định chi tiết các vấn đề được Luật giao để xây dựng dự thảo Nghị định và các biện pháp cần thiết để bảo đảm thi hành Luật một cách có hiệu quả nhất; tổ chức họp và cho ý kiến nhiều lần đối với nội dung của dự thảo Nghị định.

[1] Ngày 12/8/2016, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định 1709/QĐ-BTP. Quyết định số 487/QĐ-BTP ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc thay đổi Trưởng Ban soạn thảo và bổ sung thành viên Ban soạn thảo dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

3. Lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị định

Bộ Tư pháp đã đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp để lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan, lấy ý kiến của chuyên gia về dự thảo Nghị định, đồng thời gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến 106 cơ quan, tổ chức (các Bộ, ngành, một số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, một số xã đặc thù...)[2]. Ngoài ra, Bộ Tư pháp cũng cử cán bộ tham gia các tọa đàm góp ý dự thảo Nghị định do các cơ quan, tổ chức khác chủ trì tổ chức để có thêm thông tin hoàn thiện dự thảo Nghị định (tọa đàm tại Hà Nội, Điện Biên).

4. Ngày 07 tháng 9 năm 2017, Hội đồng thẩm định đã tổ chức thẩm định dự thảo Nghị định.

5. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định, ý kiến của Bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, tổ chức khác, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Nghị định.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

Dự thảo Nghị định gồm 15 điều quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, các nội dung quy định chi tiết thi hành Luật và các biện pháp thi hành Luật, với các nội dung chính như sau:

1. Về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị định (Điều 1 dự thảo Nghị định)

Khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị định xác định phạm vi điều chỉnh của Nghị định quy định chi tiết các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin; mẫu phiếu yêu cầu cung cấp thông tin; tiếp cận thông tin của công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và các biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định cũng quy định đối tượng áp dụng của Nghị định là các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đến việc cung cấp thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

2. Về các nội dung quy định chi tiết thi hành Luật

2.1. Về các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, người khuyết tật thực hiện quyền tiếp cận thông tin (Điều 2, Điều 3 dự thảo Nghị định)

Để cụ thể hóa quy định tại khoản 6 Điều 3, khoản 3 Điều 18, điểm b khoản 1 Điều 35 Luật Tiếp cận thông tin và đảm bảo tính khả thi, dự thảo Nghị định quy định theo hướng:

[2] Đến nay, Bộ Tư pháp đã nhận được 62/106 ý kiến góp ý (trong đó có 28 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; 19 địa phương và 15 đơn vị thuộc Bộ Tư pháp)

Đối với người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, Điều 2 dự thảo Nghị định quy định việc cung cấp thông tin được thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp với các đối tượng, điều kiện thực tế của địa phương; căn cứ vào loại thông tin, cơ quan nhà nước trên địa bàn quyết định lựa chọn một hoặc một số phương thức tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin phù hợp.

Bên cạnh đó, cơ quan nhà nước có trách nhiệm tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật liên quan.

Hiện nay, Luật Người khuyết tật đã có những quy định mang tính nguyên tắc về trách nhiệm của các cơ quan thông tin đại chúng trong việc phản ánh đời sống vật chất và tinh thần của người khuyết tật. Trên cơ sở đó, Điều 3 dự thảo Nghị định quy định các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật thực hiện quyền tiếp cận thông tin như: cơ quan cung cấp thông tin đa dạng hóa hình thức, phương thức cung cấp thông tin phù hợp với khả năng tiếp cận của người yêu cầu cung cấp thông tin; bố trí thiết bị nghe - xem và các thiết bị phụ trợ phù hợp với dạng và mức độ khuyết tật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan; bố trí cán bộ hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người mù chữ, người khuyết tật khi có khó khăn trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, đặc biệt khi người mù chữ, người khuyết tật gặp khó khăn trong việc điền thông tin, mô tả thông tin, ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin,...

2.2. Về cung cấp thông tin theo yêu cầu cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp (Điều 4 dự thảo Nghị định)

Khoản 2 Điều 36 của Luật quy định: "Công dân có thể yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp của mình trong trường hợp nhiều người của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp đó cùng có yêu cầu cung cấp thông tin giống nhau. Chính phủ quy định chi tiết khoản này". Để quy định chi tiết nội dung này, dự thảo Nghị định quy định việc yêu cầu cung cấp thông tin của công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp được thực hiện trong trường hợp nhiều người trong tổ chức có cùng nhu cầu tiếp cận đối với một loại thông tin và cùng mục đích, lý do yêu cầu cung cấp thông tin. Trình tự, thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu cho công dân thông qua tổ chức được thực hiện như trình tự cung cấp thông tin cho công dân.

2.3. Về các mẫu phiếu sử dụng trong cung cấp thông tin theo yêu cầu (Điều 5 dự thảo Nghị định)

Để quy định chi tiết khoản 4 Điều 24 của Luật, dự thảo Nghị định dự kiến quy định về các mẫu phiếu sử dụng trong cung cấp thông tin theo yêu cầu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định gồm 05 mẫu Phiếu sau: Phiếu yêu cầu

cung cấp thông tin, Phiếu tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin, Phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin, Phiếu thông báo từ chối/gia hạn yêu cầu cung cấp thông tin và Văn bản đồng ý đối với tiếp cận thông tin có điều kiện theo quy định tại Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin.

3. Về các biện pháp thi hành Luật

Để bảo đảm Luật được thi hành hiệu quả trên thực tế, trên cơ sở nội dung cơ bản đã được quy định tại Luật Tiếp cận thông tin, dự thảo Nghị định quy định việc lập Danh mục, phân loại, cập nhật thông tin (Điều 6), rà soát, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp (Điều 7), trách nhiệm của đơn vị đầu mối cung cấp thông tin (Điều 8), người làm đầu mối cung cấp thông tin (Điều 9), trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin để cung cấp thông tin (Điều 10), ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin (Điều 11), xây dựng chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử (Điều 12), theo dõi, đôn đốc, báo cáo tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân (Điều 13) và kinh phí bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin và chi phí tiếp cận thông tin (Điều 14).

3.1. Về lập Danh mục, phân loại, cập nhật thông tin (Điều 6 dự thảo Nghị định)

Để cụ thể hóa điểm b khoản 1 Điều 34, điểm g khoản 1 Điều 17 của Luật Tiếp cận thông tin, Quyết định số 1048/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin, dự thảo Nghị định đã quy định về Danh mục, phân loại, cập nhật thông tin. Theo đó, dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm lập, cập nhật Danh mục thông tin phải công khai theo Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin và Danh mục thông tin đã được cung cấp.

Bên cạnh đó, để đảm bảo tính thống nhất trong việc xây dựng Danh mục thông tin phải công khai của các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin, dự thảo Nghị định cũng quy định về nội dung của Danh mục thông tin phải công khai, cách thức kết nối giữa Danh mục với các cơ sở dữ liệu khác hiện có chứa đựng thông tin và yêu cầu đăng tải Danh mục trên chuyên mục về cung cấp thông tin tại Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin.

3.2. Về rà soát, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp (Điều 7 dự thảo Nghị định)

Với mục đích "chuẩn hóa" các thông tin trước khi cung cấp thông tin cho công dân, đảm bảo các thông tin cung cấp cho công dân không thuộc thông tin không được tiếp cận, thông tin được tiếp cận có điều kiện theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Luật, dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của đơn vị chủ trì tạo ra thông tin phải rà soát, xác định nội dung thông tin trong hồ sơ, tài liệu thuộc thông tin không được tiếp cận, thông tin được tiếp cận có điều kiện. Trên

cơ sở đó, đơn vị đầu mối cung cấp thông tin có trách nhiệm loại bỏ các nội dung thông tin mang tính bí mật trước khi cung cấp cho công dân.

3.3. Về trách nhiệm của đơn vị đầu mối cung cấp thông tin và người làm đầu mối cung cấp thông tin (Điều 8, Điều 9 dự thảo Nghị định)

Khoản 4 Điều 33 của Luật xác định một trong những biện pháp bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước là việc xác định rõ đơn vị, người làm đầu mối cung cấp thông tin. Để quy định cụ thể hơn trách nhiệm của đơn vị đầu mối cung cấp thông tin, người làm đầu mối cung cấp thông tin, tại dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của đơn vị đầu mối cung cấp thông tin trong việc bố trí người làm đầu mối cung cấp thông tin; tổ chức việc tiếp nhận, xử lý các yêu cầu cung cấp thông tin của công dân, xử lý các vấn đề có liên quan trong cung cấp thông tin; tiếp nhận, trả lời, xử lý các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, tổ chức về việc cung cấp thông tin... (Điều 8).

Bên cạnh đó, dự thảo Nghị định nhấn mạnh trách nhiệm của người làm đầu mối cung cấp thông tin, nhất là trách nhiệm trong quy trình cung cấp thông tin theo yêu cầu. Theo đó, người làm đầu mối cung cấp thông tin có trách nhiệm trực tiếp cung cấp thông tin cho người yêu cầu; cung cấp ngay những thông tin đơn giản, có sẵn theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Luật tiếp cận thông tin; cung cấp Phiếu tiếp nhận yêu cầu trong vòng 3 ngày, trừ trường hợp thông tin đơn giản và có sẵn; hướng dẫn, hỗ trợ người yêu cầu xác định rõ hồ sơ, tài liệu, tên văn bản có chứa thông tin cần tìm kiếm để điền đầy đủ, chính xác vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

Bên cạnh đó, cung cấp thông tin là một nhiệm vụ mới, đòi hỏi cá nhân đầu mối cung cấp thông tin phải có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ nhất định và yêu cầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị tham gia vào việc cung cấp thông tin có nhận thức đầy đủ về trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Do đó, tại dự thảo Nghị định quy định người làm đầu mối cung cấp thông tin, cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị tham gia vào việc cung cấp thông tin được bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ về cung cấp thông tin, tăng cường nhận thức về trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan, đơn vị (Điều 9).

3.4. Về trang bị phương tiện kỹ thuật và cơ sở vật chất cho việc cung cấp thông tin (Điều 10 dự thảo Nghị định)

Khoản 6 Điều 33 Luật quy định trách nhiệm củng cố, kiện toàn công tác văn thư, lưu trữ, thống kê; trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin và điều kiện cần thiết khác để người yêu cầu có thể trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu tại trụ sở cơ quan nhà nước và qua mạng điện tử của cơ quan cung cấp thông tin. Để hướng dẫn về nội dung này, dự thảo Nghị định quy định người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin, đứng đầu các đơn vị được giao đầu mối cung cấp thông tin có trách nhiệm bố trí nơi tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin, trang thiết bị và các điều kiện làm việc cần thiết khác phục vụ cho việc công bố công khai thông tin.

3.5. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin, xây dựng chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc Trang/Cổng thông tin điện tử (Điều 11, Điều 12 dự thảo Nghị định)

Với mục đích cung cấp thông tin cho người yêu cầu thuận lợi, kịp thời và góp phần giảm yêu cầu cung cấp thông tin thì ứng dụng công nghệ thông tin trong việc trong cung cấp thông tin là rất quan trọng. Do đó, dự thảo Nghị định quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan cung cấp thông tin bảo đảm các biện pháp kỹ thuật nhằm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp thông tin; tổ chức số hóa, sử dụng kỹ thuật công nghệ thông tin trong quản lý tài liệu điện tử, quản lý thông tin, theo dõi việc cung cấp thông tin và thiết lập Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu dưới dạng bản giấy hoặc bản điện tử; tổ chức chuyển nguồn tài liệu giấy hoặc hình thức chứa đựng thông tin khác sang tài liệu điện tử để đảm bảo cung cấp thông tin cho công dân thuận lợi, kịp thời, dễ dàng tra cứu.

Đối với việc xây dựng chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc Trang/Cổng thông tin điện tử, dự thảo Nghị định quy định cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm xây dựng một chuyên mục về tiếp cận thông tin thuộc Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình trong đó chứa đựng Danh mục thông tin phải được công khai, thông tin về đầu mối cung cấp thông tin của công dân, nơi tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin qua mạng điện tử; các hướng dẫn, tài liệu để hỗ trợ người yêu cầu cung cấp thông tin; địa chỉ truy cập để tải thông tin (nếu có).

3.6. Về tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm thi hành, theo dõi, đôn đốc, báo cáo tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân (Điều 13 dự thảo Nghị định)

Dự thảo Nghị định quy định cơ quan cung cấp thông tin quy định tại Điều 9 của Luật Tiếp cận thông tin thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm thi hành Luật theo quy định tại Điều 33 và Điều 34 của Luật Tiếp cận thông tin và quy định tại Nghị định này; kịp thời ban hành Quy chế cung cấp thông tin của cơ quan, trong đó phân công, phân cấp cho các đơn vị làm đầu mối cung cấp thông tin phù hợp với phạm vi, khối lượng thông tin cung cấp của cơ quan và của từng đơn vị. Ngoài ra, dự thảo cũng quy định cụ thể trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc việc giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin, tình hình cung cấp thông tin của cơ quan; trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc tổng hợp tình hình, kết quả cung cấp thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm của cơ quan mình.

3.7. Về kinh phí bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin và chi phí tiếp cận thông tin (Điều 14 dự thảo Nghị định)

Theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin thì các vấn đề cụ thể liên quan đến cách thức tính chi phí tiếp cận thông tin sẽ được quy định

cụ thể tại Thông tư của Bộ Tài chính. Dự thảo Nghị định chỉ quy định chi phí cung cấp thông tin phải được người yêu cầu trả trước khi cung cấp thông tin và phải được nộp vào ngân sách nhà nước để bảo đảm tính minh bạch trong quản lý và sử dụng chi phí tiếp cận thông tin.

3.8. Về hiệu lực thi hành (Điều 15 dự thảo Nghị định)

Để phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về hiệu lực của văn bản quy định chi tiết, Nghị định xác định thời điểm có hiệu lực là ngày 01 tháng 7 năm 2018, cùng thời điểm hiệu lực của Luật Tiếp cận thông tin.

Bên cạnh đó, để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và phù hợp với điều kiện, nguồn lực thực tế, dự thảo Nghị định quy định đối với thông tin được các cơ quan nhà nước tạo ra hoặc nắm giữ trước ngày 01 tháng 7 năm 2018 thì được tiếp cận theo quy định của pháp luật khác có liên quan.

V. VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Dự thảo Nghị định chỉ quy định chi tiết các điều, khoản của Luật Tiếp cận thông tin, các nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục tại dự thảo Nghị định chỉ quy định trên cơ sở các quy định của Luật, không phát sinh thủ tục hành chính mới.

VI. VỀ NHỮNG VẤN ĐỀ XIN Ý KIẾN

1. Về các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin (Điều 2 và Điều 3 dự thảo Nghị định)

Đa số ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan có liên quan trong quá trình lấy ý kiến đều nhất trí với những nội dung cơ bản tại dự thảo Nghị định. Tuy nhiên, trong quá trình soạn thảo còn có ý kiến khác nhau về việc quy định chi tiết các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin, cụ thể:

Loại ý kiến thứ nhất: đồng tình với quy định trong dự thảo Nghị định theo hướng quy định các biện pháp tạo điều kiện có tính chất linh hoạt, tăng tính chủ động cho địa phương trong việc quyết định sử dụng các biện pháp phù hợp để tạo điều kiện cho các đối tượng nêu trên thực hiện quyền tiếp cận thông tin trên địa bàn.

Loại ý kiến thứ hai: loại ý kiến này cho rằng dự thảo Nghị định cần quy định chi tiết, cụ thể hơn các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin xuất phát từ nhu cầu của người tiếp cận thông tin và phù hợp với từng loại đối tượng cụ thể (như đối với nhóm người khuyết tật thì phải có biện pháp hỗ trợ cho từng dạng khuyết tật), không nên xuất phát từ điều kiện thực tiễn của cơ quan cung cấp thông tin.

Về vấn đề này, Bộ Tư pháp nhận thấy, trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị định, Bộ Tư pháp luôn quán triệt và bám sát quan điểm, nguyên tắc "*Bảo đảm các biện pháp tạo thuận lợi cho các đối tượng gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin và phù hợp với từng đối tượng; tạo điều kiện để mọi công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin"*; đồng thời, *"Bảo đảm tính khả thi của dự thảo Nghị định trong điều kiện thực tiễn kinh tế - xã hội Việt Nam, đồng thời bảo đảm hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước"* (mục II dự thảo Tờ trình). Theo đó, quy định các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho các nhóm đối tượng nêu trên vừa phải bảo đảm cụ thể hóa các nội dung được Luật giao, vừa phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn, cơ sở vật chất của các cơ quan nhà nước. Hiện nay, điều kiện cơ sở vật chất, nguồn lực của mỗi cơ quan nhà nước không giống nhau, số lượng người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn ở mỗi địa phương cũng khác nhau. Do đó, việc quy định ”cứng” tất cả các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho từng nhóm đối tượng nêu trên sẽ không bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của tất cả các cơ quan nhà nước. Vì vậy, để bảo đảm tính khả thi của quy định, bảo đảm hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước nhưng vẫn tạo điều kiện thuận lợi cho các nhóm đối tượng nêu trên, tại Điều 2 và Điều 3 dự thảo Nghị định đã quy định theo hướng cụ thể hóa các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin và giao cơ quan nhà nước tổ chức thực hiện các biện pháp này "*phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan mình*”. Với lý do trên, Bộ Tư pháp nhất trí với loại ý kiến thứ nhất và xin giữ nguyên quy định như tại dự thảo Nghị định.

2. Về hiệu lực thi hành (khoản 2 Điều 15 dự thảo Nghị định)

Phù hợp với nguyên tắc tại khoản 2 Điều 11 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, hiệu lực thi hành của Nghị định trùng với thời điểm Luật tiếp cận thông tin có hiệu lực (ngày 01 tháng 7 năm 2018), tại khoản 1 Điều 15 dự thảo Nghị định xác định hiệu lực thi hành của Nghị định là “kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018”. Tuy nhiên, trong quá trình soạn thảo, còn có ý kiến băn khoăn đề nghị xác định rõ thông tin tính từ thời điểm nào để làm cơ sở cho việc lập danh mục thông tin. Để tránh sự hiểu lầm là công dân không được tiếp cận các thông tin được tạo ra, nắm giữ trước ngày Luật tiếp cận thông tin có hiệu lực, dự thảo Nghị định quy định “Đối với thông tin được các cơ quan nhà nước tạo ra hoặc nắm giữ trước ngày 01 tháng 7 năm 2018 thì được tiếp cận theo quy định của pháp luật khác có liên quan (ví dụ: Luật lưu trữ, Luật bảo vệ môi trường, Luật đất đai, Luật tài nguyên nước …). Về quy định này, còn có 2 loại ý kiến khác nhau:

Loại ý kiến thứ nhất: đa số các ý kiến thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 15 Dự thảo với lý do việc lập các danh mục thông tin trong tất cả các lĩnh vực và không giới hạn thời điểm thông tin được tạo ra sẽ không bảo đảm tính khả thi, làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, nhất là trong điều kiện tinh giản biên chế và không bố trí cán bộ chuyên trách về

cung cấp thông tin nhưng phải bảo đảm nguyên tắc "cung cấp thông tin chính xác, kịp thời". Hơn nữa, các thông tin có thể đã được tạo ra từ cách đây nhiều chục năm, nếu đã quản lý theo Luật lưu trữ thì cần phải áp dụng Luật lưu trữ, nếu chưa chuyển sang lưu trữ thì vẫn có thể áp dụng theo các quy định của pháp luật chuyên ngành. Việc bổ sung quy định hướng dẫn này là cần thiết nhằm bảo đảm tính thống nhất, rõ ràng cho các cơ quan trong việc tập hợp thông tin, xác định phạm vi các thông tin cần đưa vào các Danh mục thông tin phải công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện.

Loại ý kiến thứ hai: loại ý kiến này cho rằng dự thảo Nghị định không nên quy định vấn đề này vì nếu áp dụng pháp luật chuyên ngành để cung cấp thông tin được tạo ra trước ngày Luật tiếp cận thông tin có hiệu lực thì chưa đáp ứng nhu cầu được cung cấp thông tin của công dân, nhất là trong điều kiện trình tự, thủ tục cung cấp thông tin trong các luật chuyên ngành còn chưa rõ ràng và có nhiều bất cập.

Bộ Tư pháp nhất trí với loại ý kiến thứ nhất vì quy định như dự thảo Nghị định một mặt vẫn bảo đảm quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, mặt khác phù hợp với tinh thần xây dựng Luật là việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin phải bảo đảm tính khả thi, phù hợp điều kiện thực tiễn Việt Nam và không gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước. Đây cũng là nguyên tắc chung khi xây dựng pháp luật về tiếp cận thông tin của các nước và quy định của dự thảo Nghị định về việc chỉ áp dụng đối với thông tin được tạo ra trước ngày Luật có hiệu lực cũng phù hợp với thông lệ của các nước trên thế giới (Na-Uy, Slovenia...).

Trên đây là Tờ trình của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin, kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Nghị định; (2) Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị định; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định đối với dự thảo Nghị định; (4) Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương về dự thảo Nghị định).

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, PLHSHC.

BỘ TRƯỞNG

Lê Thành Long